

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (UPCOM: TAL)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày			
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng

Sức mạnh tài chính

Piotroski F - Score

2023

4/9

(Ổn định)

2023

DT thuần

3,238

tỷ VNĐ

YoY

▲ 409

▲ 14.4%

2023

LN sau thuế

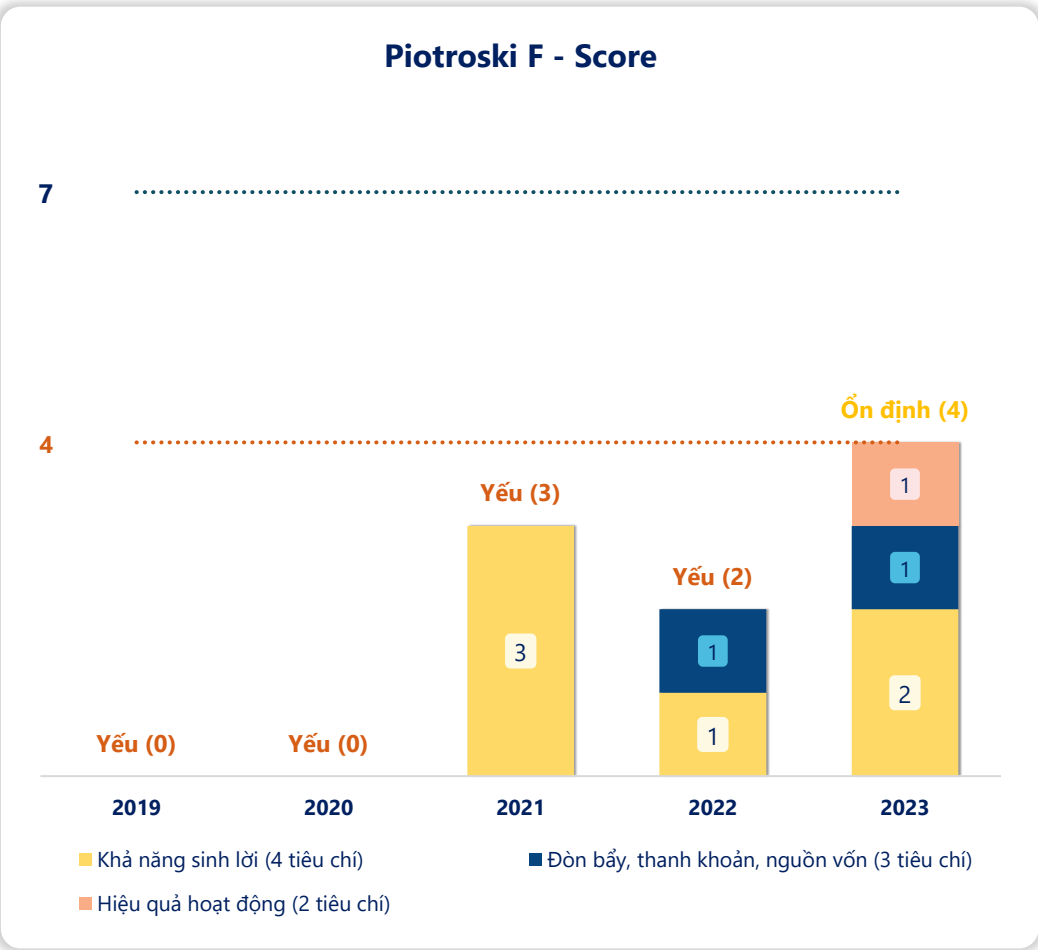
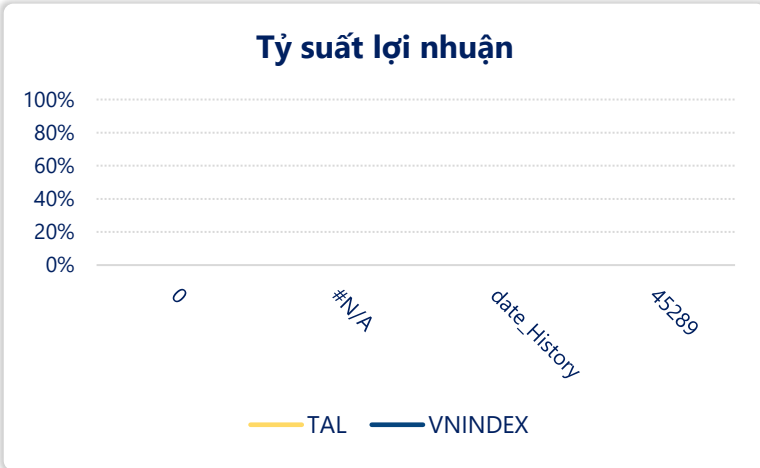
473

tỷ VNĐ

YoY

▲ 103

▲ 27.9%

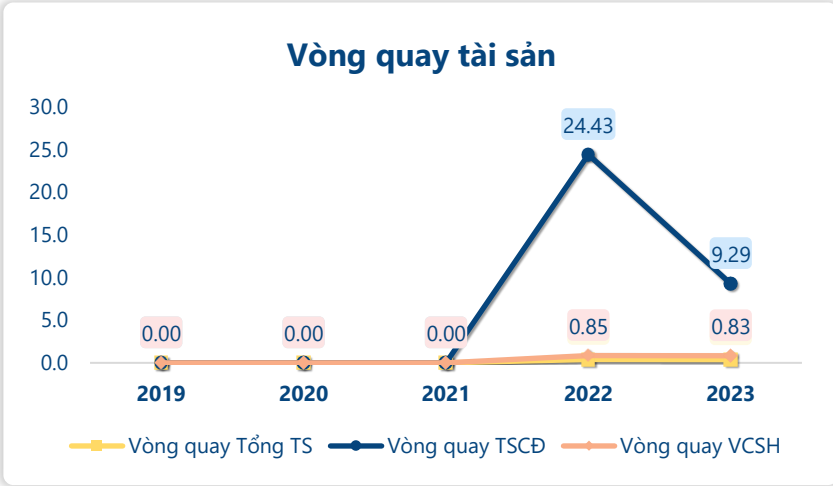
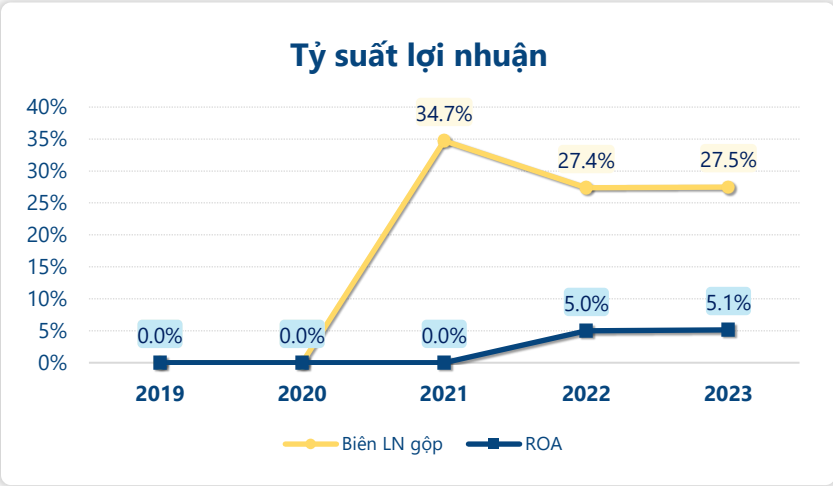
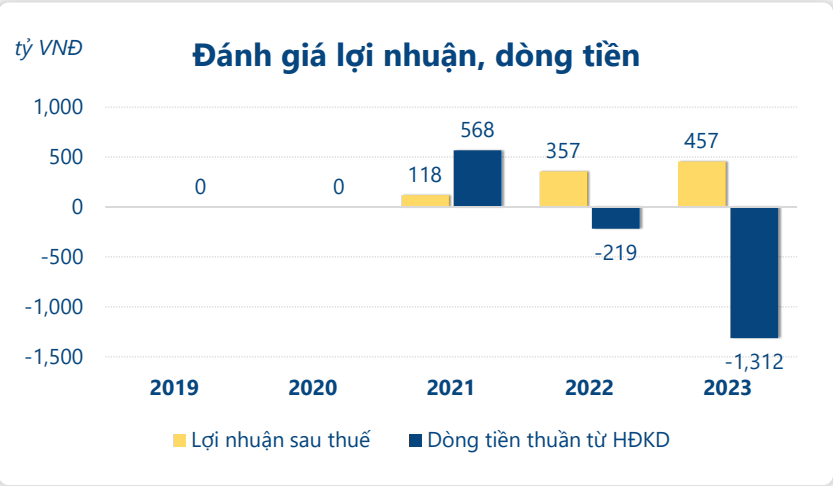


Năm **2023**, F-Score của **TAL** đạt **4/9** cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, thuộc vùng **"Ổn định"**.

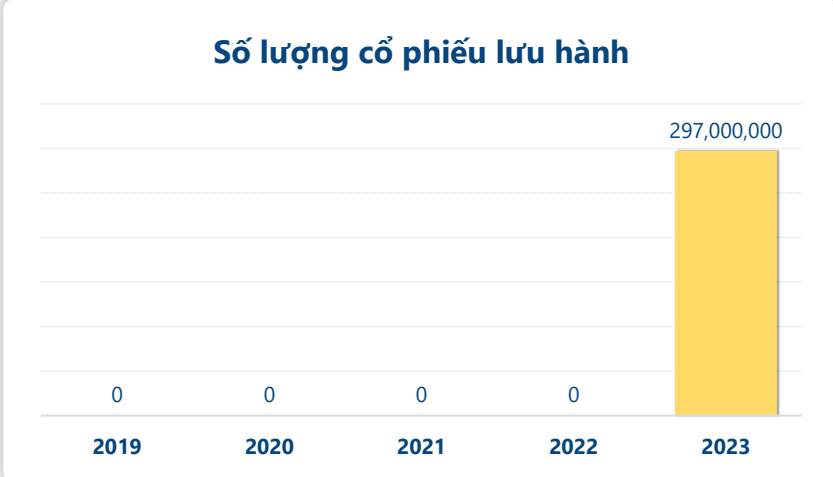
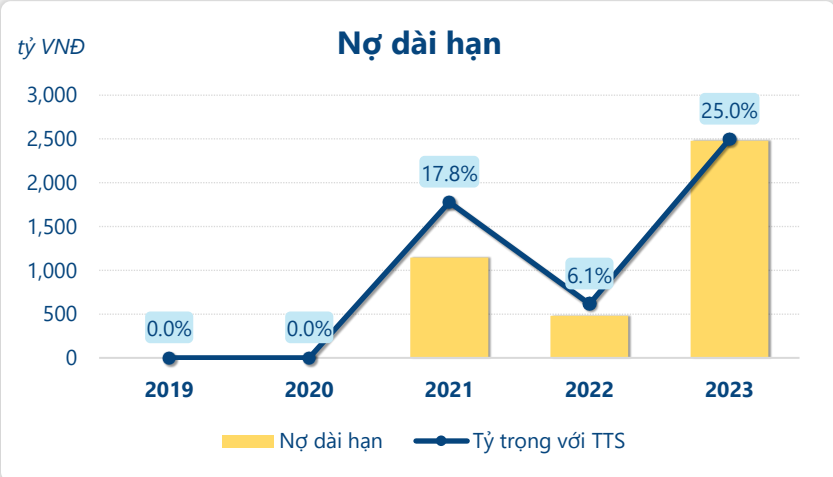
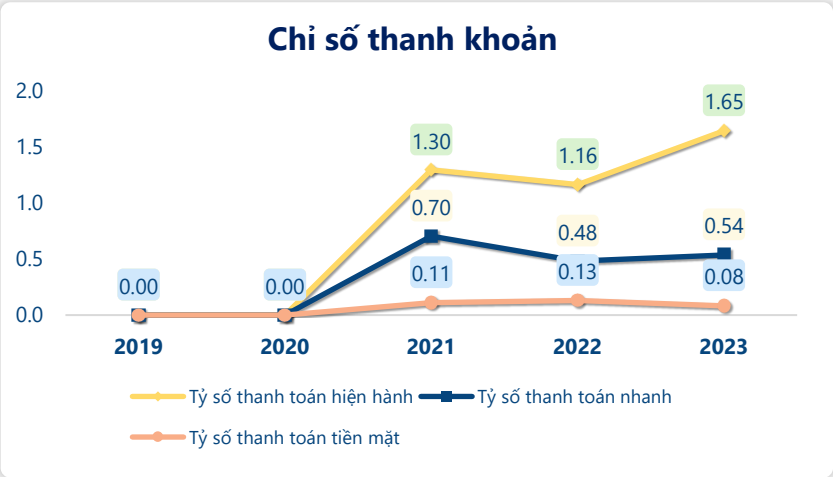
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 2/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **1/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt **1/2** điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (UPCOM: TAL)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **TAL**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	10,176	7,842	29.8%
Tài sản ngắn hạn	5,672	4,165	36.2%
Tiền và tương đương tiền	288	466	-38.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.9	76.6	1.8%
Phải thu ngắn hạn	1,353	1,018	32.9%
Hàng tồn kho	3,814	2,440	56.3%
Tài sản ngắn hạn khác	140	164	-14.7%
Tài sản dài hạn	4,504	3,677	22.5%
Phải thu dài hạn	1,040	814	27.8%
Tài sản cố định	830	126	560%
Bất động sản đầu tư	280	297	-5.5%
Tài sản dở dang	2,172	2,330	-6.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	45.0	32.4	38.8%
Tài sản dài hạn khác	103	41.4	150%
Lợi thế thương mại	32.1	36.9	-13.1%
Nợ phải trả	6,039	4,059	48.8%
Nợ ngắn hạn	3,289	3,577	-8.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,126	939	19.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	477	1,242	-61.6%
Nợ dài hạn	2,750	482	471%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,137	226	844%
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,137	3,783	9.4%
Vốn chủ sở hữu	4,137	3,783	9.4%
Vốn điều lệ	2,970	2,700	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần			744	2,829	3,238
Giá vốn hàng bán			486	2,055	2,347
Lợi nhuận gộp			258	774	890
Doanh thu HĐTC			70.8	66.1	85.1
Chi phí TC			20.5	19.4	99.2
Chi phí lãi vay			20.5	15.0	75.9
LN trong công ty LKLD			-0.31	0.73	0.17
Chi phí bán hàng			33.1	209	85.1
Chi phí QLDN			106	140	178
LN thuần từ HĐKD			169	472	613
Lợi nhuận khác			-0.78	1.86	14.4
LN trước thuế			169	474	627
Lợi nhuận sau thuế			132	370	473
LNST của CĐ cty mẹ			118	357	457

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	568	-219	-1,312
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-841	-348	-904
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	475	761	2,038
Tiền đầu kỳ	0	0	69.7	271	466
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	202	195	-177
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	271	466	289